

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV
BIDV SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Số/No.: 730 /BSC-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence - Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2026
Hanoi, July 20, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- State Securities Commission of Vietnam

- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/Sở Giao dịch Chứng
khoán TP HCM/Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- *Vietnam Exchange/Ho Chi Minh Stock Exchange/Hanoi Stock*
Exchange

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV/*BIDV Securities Joint Stock Company*

Mã chứng khoán/Mã thành viên/*Stock code/Broker code*: BSI

Địa chỉ/*Address*: Tầng 8, Tầng 9 LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm,
Thành phố Hà Nội/ *8th Floor, 9th Floor, LPB Tower, No. 210 Tran Quang Khai, Hoan Kiem*
Ward, Hanoi City.

Điện thoại/*Tel*: 024.39352722

Fax: 024.33816699

Email: ir@bsc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt điều chỉnh thông số phát hành 11 mã chứng
quyền có bảo đảm

Resolution of the Board of Directors Re: Approval of adjustments to the issuance parameters of
11 covered warrants

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/07/2026
tại đường dẫn: <https://www.bsc.com.vn/quan-he-co-dong>

This information was published on the company's website on July 20, 2026, as in the link:
<https://www.bsc.com.vn/quan-he-co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Văn bản liên quan đến nội dung công bố thông tin/*Documents related to the content of disclosure*

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT *CH*

PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE
INFORMATION



LÊ QUANG HUY

Số: 381 /NQ-BSC

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2026

NGHỊ QUYẾT**V/v: Phê duyệt điều chỉnh thông số phát hành 11 mã chứng quyền có bảo đảm****HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV***Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;**Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;**Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC);**Căn cứ Nghị quyết số 1097/NQ-BSC của HĐQT BSC ngày 30/12/2025 v/v thông qua phương án chào bán và niêm yết chứng quyền có bảo đảm;**Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-BSC của HĐQT BSC ngày 21/5/2026 v/v phê duyệt hủy chào bán chứng quyền dựa trên chứng khoán cơ sở DGC trong đợt phát hành lần 1/2026;**Căn cứ Công văn số 5870/UBCK-QLKD của UBCKNN ngày 25/6/2026 V/v 11 bộ Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm của công ty cổ phần Chứng khoán BIDV;**Căn cứ Tờ trình số 677/TTr-BSC ngày 07/07/2026 v/v phê duyệt điều chỉnh thông số phát hành 11 mã chứng quyền;**Căn cứ Biên bản tổng hợp ý kiến số 77/BBTHYK-HĐQT ngày 20/07/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.***QUYẾT NGHỊ:****Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh thông số phát hành 11 mã chứng quyền có bảo đảm dựa trên cổ phiếu ACB, FPT, HPG, MBB, MSN, MWG, STB, TCB, VIB, VNM và VPB. (Thông số 11 mã chứng quyền sau điều chỉnh tại các Phụ lục đính kèm)

Các nội dung khác không thay đổi và tiếp tục áp dụng theo Nghị quyết số 1097/NQ-BSC ngày 30/12/2025.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**Điều 3.** Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.**Nơi nhận:**

- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Điều hành;
- Phòng: ĐT, QTRR;
- Lưu: VT, VP.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH****Ngô Văn Dũng**

**PHỤ LỤC 1: THÔNG SỐ PHÁT HÀNH SAU ĐIỀU CHỈNH
MÃ CHỨNG QUYỀN DỰA TRÊN CỔ PHIẾU “ACB”**

*(Đính kèm Nghị quyết số 381/NQ-BSC ngày 20/07/2026 của Hội đồng quản trị
BSC v/v Phê duyệt điều chỉnh thông số phát hành 11 mã chứng quyền có bảo đảm)*

Chứng khoán cơ sở	ACB
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
Kiểu chứng quyền	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
Tên chứng quyền	ACB/BSC/C/9M/EU/Cash/2025-01
Ngày dự kiến phát hành và niêm yết	Ngay sau khi được UBCK cấp phép
Tỷ lệ chuyển đổi	3:1
Thời gian đáo hạn	9 tháng
Độ biến động dự kiến	40%-80% (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Lãi suất phi rủi ro dự kiến	3,95% (bằng lợi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam 10 năm tại thời điểm tính, có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Số lượng chào bán	2.500.000
Giá thực hiện quyền dự kiến	Thấp hơn 20% đến cao hơn 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Giá chứng quyền chào bán dự kiến (đồng)	1.000 – 2.000 đồng (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Điểm hòa vốn của các nhà đầu tư dự kiến	15%-40% (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Phương thức thực hiện	Thực hiện bằng tiền
Tổng giá trị chào bán tối đa	5.000.000.000 VND

**PHỤ LỤC 2: THÔNG SỐ PHÁT HÀNH SAU ĐIỀU CHỈNH
MÃ CHỨNG QUYỀN DỰA TRÊN CỔ PHIẾU “FPT”**

(Đính kèm Nghị quyết số 381/NQ-BSC ngày 20/07/2026 của Hội đồng quản trị BSC v/v Phê duyệt điều chỉnh thông số phát hành 11 mã chứng quyền có bảo đảm)

Chứng khoán cơ sở	FPT
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
Kiểu chứng quyền	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
Tên chứng quyền	FPT/BSC/C/12M/EU/Cash/2025-01
Ngày dự kiến phát hành và niêm yết	Ngay sau khi được UBCK cấp phép
Tỷ lệ chuyển đổi	12:1
Thời gian đáo hạn	12 tháng
Độ biến động dự kiến	40%-80% (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Lãi suất phi rủi ro dự kiến	3,95% (bằng lợi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam 10 năm tại thời điểm tính, có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Số lượng chào bán	3.500.000
Giá thực hiện quyền dự kiến	Thấp hơn 20% đến cao hơn 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Giá chứng quyền chào bán dự kiến (đồng)	1.000 – 2.000 đồng (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Điểm hòa vốn của các nhà đầu tư dự kiến	15%-40% (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Phương thức thực hiện	Thực hiện bằng tiền
Tổng giá trị chào bán tối đa	7.000.000.000 VND

**PHỤ LỤC 3: THÔNG SỐ PHÁT HÀNH SAU ĐIỀU CHỈNH
MÃ CHỨNG QUYỀN DỰA TRÊN CỔ PHIẾU “HPG”**

(Đính kèm Nghị quyết số 384/NQ-BSC ngày 20/07/2026 của Hội đồng quản trị BSC v/v Phê duyệt điều chỉnh thông số phát hành 11 mã chứng quyền có bảo đảm)

Chứng khoán cơ sở	HPG
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
Kiểu chứng quyền	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
Tên chứng quyền	HPG/BSC/C/12M/EU/Cash/2025-01
Ngày dự kiến phát hành và niêm yết	Ngay sau khi được UBCK cấp phép
Tỷ lệ chuyển đổi	4:1
Thời gian đáo hạn	12 tháng
Độ biến động dự kiến	40%-80% (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Lãi suất phi rủi ro dự kiến	3,95% (bằng lợi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam 10 năm tại thời điểm tính, có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Số lượng chào bán	4.000.000
Giá thực hiện quyền dự kiến	Thấp hơn 20% đến cao hơn 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Giá chứng quyền chào bán dự kiến (đồng)	1.000 – 2.000 đồng (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Điểm hòa vốn của các nhà đầu tư dự kiến	15%-40% (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Phương thức thực hiện	Thực hiện bằng tiền
Tổng giá trị chào bán tối đa	8.000.000.000 VND

- 1 -

**PHỤ LỤC 4: THÔNG SỐ PHÁT HÀNH SAU ĐIỀU CHỈNH
MÃ CHỨNG QUYỀN DỰA TRÊN CỔ PHIẾU “MBB”**

*(Đính kèm Nghị quyết số 384/NQ-BSC ngày 20/07/2026 của Hội đồng quản trị
BSC v/v Phê duyệt điều chỉnh thông số phát hành 11 mã chứng quyền có bảo đảm)*

Chứng khoán cơ sở	MBB
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
Kiểu chứng quyền	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
Tên chứng quyền	MBB/BSC/C/12M/EU/Cash/2025-01
Ngày dự kiến phát hành và niêm yết	Ngay sau khi được UBCK cấp phép
Tỷ lệ chuyển đổi	4:1
Thời gian đáo hạn	12 tháng
Độ biến động dự kiến	40%-80% (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Lãi suất phi rủi ro dự kiến	3,95% (bằng lợi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam 10 năm tại thời điểm tính, có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Số lượng chào bán	3.000.000
Giá thực hiện quyền dự kiến	Thấp hơn 20% đến cao hơn 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Giá chứng quyền chào bán dự kiến (đồng)	1.000 – 2.000 đồng (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Điểm hòa vốn của các nhà đầu tư dự kiến	15%-40% (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Phương thức thực hiện	Thực hiện bằng tiền
Tổng giá trị chào bán tối đa	6.000.000.000 VND

**PHỤ LỤC 5: THÔNG SỐ PHÁT HÀNH SAU ĐIỀU CHỈNH
MÃ CHỨNG QUYỀN DỰA TRÊN CỔ PHIẾU “MSN”**

*(Đính kèm Nghị quyết số 384/NQ-BSC ngày 20/07/2026 của Hội đồng quản trị
BSC v/v Phê duyệt điều chỉnh thông số phát hành 11 mã chứng quyền có bảo đảm)*

Chứng khoán cơ sở	MSN
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
Kiểu chứng quyền	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
Tên chứng quyền	MSN/BSC/C/9M/EU/Cash/2025-01
Ngày dự kiến phát hành và niêm yết	Ngay sau khi được UBCK cấp phép
Tỷ lệ chuyển đổi	10:1
Thời gian đáo hạn	9 tháng
Độ biến động dự kiến	40%-80% (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Lãi suất phi rủi ro dự kiến	3,95% (bằng lợi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam 10 năm tại thời điểm tính, có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Số lượng chào bán	3.500.000
Giá thực hiện quyền dự kiến	Thấp hơn 20% đến cao hơn 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Giá chứng quyền chào bán dự kiến (đồng)	1.000 – 2.000 đồng (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Điểm hòa vốn của các nhà đầu tư dự kiến	15%-40% (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Phương thức thực hiện	Thực hiện bằng tiền
Tổng giá trị chào bán tối đa	7.000.000.000 VND

**PHỤ LỤC 6: THÔNG SỐ PHÁT HÀNH SAU ĐIỀU CHỈNH
MÃ CHỨNG QUYỀN DỰA TRÊN CỔ PHIẾU “MWG”**

*(Đính kèm Nghị quyết số 384/NQ-BSC ngày 20/07/2026 của Hội đồng quản trị
BSC v/v Phê duyệt điều chỉnh thông số phát hành 11 mã chứng quyền có bảo đảm)*

Chứng khoán cơ sở	MWG
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
Kiểu chứng quyền	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
Tên chứng quyền	MWG/BSC/C/9M/EU/Cash/2025-01
Ngày dự kiến phát hành và niêm yết	Ngay sau khi được UBCK cấp phép
Tỷ lệ chuyển đổi	10:1
Thời gian đáo hạn	9 tháng
Độ biến động dự kiến	40%-80% (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Lãi suất phi rủi ro dự kiến	3,95% (bằng lợi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam 10 năm tại thời điểm tính, có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Số lượng chào bán	3.500.000
Giá thực hiện quyền dự kiến	Thấp hơn 20% đến cao hơn 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Giá chứng quyền chào bán dự kiến (đồng)	1.000 – 2.000 đồng (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Điểm hòa vốn của các nhà đầu tư dự kiến	15%-40% (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Phương thức thực hiện	Thực hiện bằng tiền
Tổng giá trị chào bán tối đa	7.000.000.000 VND

**PHỤ LỤC 7: THÔNG SỐ PHÁT HÀNH SAU ĐIỀU CHỈNH
MÃ CHỨNG QUYỀN DỰA TRÊN CỔ PHIẾU “STB”**

*(Đính kèm Nghị quyết số 384/NQ-BSC ngày 20/07/2026 của Hội đồng quản trị
BSC v/v Phê duyệt điều chỉnh thông số phát hành 11 mã chứng quyền có bảo đảm)*

Chứng khoán cơ sở	STB
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
Kiểu chứng quyền	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
Tên chứng quyền	STB/BSC/C/9M/EU/Cash/2025-01
Ngày dự kiến phát hành và niêm yết	Ngay sau khi được UBCK cấp phép
Tỷ lệ chuyển đổi	7:1
Thời gian đáo hạn	9 tháng
Độ biến động dự kiến	40%-80% (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Lãi suất phi rủi ro dự kiến	3,95% (bằng lợi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam 10 năm tại thời điểm tính, có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Số lượng chào bán	3.000.000
Giá thực hiện quyền dự kiến	Thấp hơn 20% đến cao hơn 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Giá chứng quyền chào bán dự kiến (đồng)	1.000 – 2.000 đồng (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Điểm hòa vốn của các nhà đầu tư dự kiến	15%-40% (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Phương thức thực hiện	Thực hiện bằng tiền
Tổng giá trị chào bán tối đa	6.000.000.000 VND

**PHỤ LỤC 8: THÔNG SỐ PHÁT HÀNH SAU ĐIỀU CHỈNH
MÃ CHỨNG QUYỀN DỰA TRÊN CỔ PHIẾU “TCB”**

*(Đính kèm Nghị quyết số 381/NQ-BSC ngày 20/07/2026 của Hội đồng quản trị
BSC v/v Phê duyệt điều chỉnh thông số phát hành 11 mã chứng quyền có bảo đảm)*

Chứng khoán cơ sở	TCB
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
Kiểu chứng quyền	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
Tên chứng quyền	TCB/BSC/C/12M/EU/Cash/2025-01
Ngày dự kiến phát hành và niêm yết	Ngay sau khi được UBCK cấp phép
Tỷ lệ chuyển đổi	6:1
Thời gian đáo hạn	12 tháng
Độ biến động dự kiến	40%-80% (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Lãi suất phi rủi ro dự kiến	3,95% (bằng lợi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam 10 năm tại thời điểm tính, có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Số lượng chào bán	3.000.000
Giá thực hiện quyền dự kiến	Thấp hơn 20% đến cao hơn 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Giá chứng quyền chào bán dự kiến (đồng)	1.000 – 2.000 đồng (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Điểm hòa vốn của các nhà đầu tư dự kiến	15%-40% (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Phương thức thực hiện	Thực hiện bằng tiền
Tổng giá trị chào bán tối đa	6.000.000.000 VND

**PHỤ LỤC 9: THÔNG SỐ PHÁT HÀNH SAU ĐIỀU CHỈNH
MÃ CHỨNG QUYỀN DỰA TRÊN CỔ PHIẾU “VIB”**

(Đính kèm Nghị quyết số 381/NQ-BSC ngày 20/07/2026 của Hội đồng quản trị BSC v/v Phê duyệt điều chỉnh thông số phát hành 11 mã chứng quyền có bảo đảm)

Chứng khoán cơ sở	VIB
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
Kiểu chứng quyền	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
Tên chứng quyền	VIB/BSC/C/12M/EU/Cash/2025-01
Ngày dự kiến phát hành và niêm yết	Ngay sau khi được UBCK cấp phép
Tỷ lệ chuyển đổi	3:1
Thời gian đáo hạn	12 tháng
Độ biến động dự kiến	40%-80% (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Lãi suất phi rủi ro dự kiến	3,95% (bằng lợi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam 10 năm tại thời điểm tính, có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Số lượng chào bán	3.000.000
Giá thực hiện quyền dự kiến	Thấp hơn 20% đến cao hơn 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Giá chứng quyền chào bán dự kiến (đồng)	1.000 – 2.000 đồng (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Điểm hòa vốn của các nhà đầu tư dự kiến	15%-40% (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Phương thức thực hiện	Thực hiện bằng tiền
Tổng giá trị chào bán tối đa	6.000.000.000 VND

**PHỤ LỤC 10: THÔNG SỐ PHÁT HÀNH SAU ĐIỀU CHỈNH
MÃ CHỨNG QUYỀN DỰA TRÊN CỔ PHIẾU “VNM”**

*(Đính kèm Nghị quyết số 381/NQ-BSC ngày 20/07/2026 của Hội đồng quản trị
BSC v/v Phê duyệt điều chỉnh thông số phát hành 11 mã chứng quyền có bảo đảm)*

Chứng khoán cơ sở	VNM
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
Kiểu chứng quyền	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
Tên chứng quyền	VNM/BSC/C/9M/EU/Cash/2025-01
Ngày dự kiến phát hành và niêm yết	Ngay sau khi được UBCK cấp phép
Tỷ lệ chuyển đổi	6:1
Thời gian đáo hạn	9 tháng
Độ biến động dự kiến	40%-80% (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Lãi suất phi rủi ro dự kiến	3,95% (bằng lợi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam 10 năm tại thời điểm tính, có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Số lượng chào bán	2.500.000
Giá thực hiện quyền dự kiến	Thấp hơn 20% đến cao hơn 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Giá chứng quyền chào bán dự kiến (đồng)	1.000 – 2.000 đồng (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Điểm hòa vốn của các nhà đầu tư dự kiến	15%-40% (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Phương thức thực hiện	Thực hiện bằng tiền
Tổng giá trị chào bán tối đa	5.000.000.000 VND

**PHỤ LỤC 11: THÔNG SỐ PHÁT HÀNH SAU ĐIỀU CHỈNH
MÃ CHỨNG QUYỀN DỰA TRÊN CỔ PHIẾU “VPB”**

(Đính kèm Nghị quyết số 381/NQ-BSC ngày 20/07/2026 của Hội đồng quản trị BSC v/v Phê duyệt điều chỉnh thông số phát hành 11 mã chứng quyền có bảo đảm)

Chứng khoán cơ sở	VPB
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
Kiểu chứng quyền	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
Tên chứng quyền	VPB/BSC/C/9M/EU/Cash/2025-01
Ngày dự kiến phát hành và niêm yết	Ngay sau khi được UBCK cấp phép
Tỷ lệ chuyển đổi	4:1
Thời gian đáo hạn	9 tháng
Độ biến động dự kiến	40%-80% (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Lãi suất phi rủi ro dự kiến	3,95% (bằng lợi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam 10 năm tại thời điểm tính, có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Số lượng chào bán	3.000.000
Giá thực hiện quyền dự kiến	Thấp hơn 20% đến cao hơn 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Giá chứng quyền chào bán dự kiến (đồng)	1.000 – 2.000 đồng (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Điểm hòa vốn của các nhà đầu tư dự kiến	15%-40% (có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường)
Phương thức thực hiện	Thực hiện bằng tiền
Tổng giá trị chào bán tối đa	6.000.000.000 VND